

Nhãn hộp 6g

LEPASTO

Thuốc kê đơn

LEPASTO

THUỐC DÙNG NGOÀI

Betamethason 0,1% w/w
Neomycin sulfat 0,5% w/w

Mp MEDIPLANTEX

Hộp 1 tuýp 6 gam
KEM BÔI DA

Thành phần: Mỗi tuýp chứa
Betamethason (dạng betamethason valerat) ... 0,1% w/w
Neomycin sulfat ... 0,5% w/w
Thành phần tá dược ... vừa đủ 1 tuýp
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

8 1935041 003081

LEPASTO

Prescription drug

LEPASTO

EXTERNAL USE ONLY

Betamethasone 0,1% w/w
Neomycin sulfate 0,5% w/w

Mp MEDIPLANTEX

Tube 6 grs Cream

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS
Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
Số 358 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
SX tại: Nhà máy dược phẩm số 2, Thôn Trung Hậu, Xã Tiến Phong,
Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

THIS BOX IS SUITABLE
FOR RECYCLING

Mp

MEDIPLANTEX

SDK/Reg.No:

Số lô SX:

Ngày SX:

Hạn dùng:

TUÝP 6 GAM

Thuốc kê đơn

Tuýp 6 gam KEM BÔI DA

GMP-WHO

LEPASTO

THUỐC DÙNG NGOÀI

Thành phần: Mỗi tuýp chứa
Betamethason (dạng betamethason valerat) ... 0,1 % w/w
Neomycin sulfat ... 0,5 % w/w
Thành phần tá dược ... vừa đủ 1 tuýp
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Số lô SX:

Hạn dùng:

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Ngày 13 tháng 03 năm 2025


TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Nhật Thanh

Nhãn Hộp 15g

LEPASTO

Thuốc kê đơn

LEPASTO

THUỐC DÙNG NGOÀI

Betamethason 0,1% w/w
Neomycin sulfat 0,5% w/w

MEDIPLANTEX

Hộp 1 tuýp 15 gam
KEM BÔI DA

Thành phần: Mỗi tuýp chứa
Betamethason (dạng betamethason valerat)... 0,1% w/w
Neomycin sulfat.....0,5% w/w
Thành phần tá dược.....vừa đủ 1 tuýp
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Prescription drug

LEPASTO

EXTERNAL USE ONLY

Betamethasone 0,1% w/w
Neomycin sulfate 0,5% w/w

MEDIPLANTEX

Tube 15 grs Cream

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS
Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
Số 358 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
SX tại Nhà máy dược phẩm số 2, Thôn Trung Hậu, Xã Tiến Phong,
Huyện Mỹ Lương, TP. Hà Nội

THIS BOX IS SUITABLE FOR RECYCLING

MEDIPLANTEX

SĐK/Reg.No:
Số lô SX:
Ngày SX:
Hạn dùng:

Nhãn tuýp 15g

Thuốc kê đơn

Tuýp 15 gam KEM BÔI DA

LEPASTO

THUỐC DÙNG NGOÀI

GMP-WHO

Thành phần: Mỗi tuýp chứa
Betamethason (dạng betamethason valerat)... 0,1 % w/w
Neomycin sulfat.....0,5 % w/w
Thành phần tá dược.....vừa đủ 1 tuýp
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo
Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Số lô SX:
Hạn dùng:

Ngày 22 tháng 02 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Nhật Thanh

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx LEPASTO

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Thành phần hoạt chất: Mỗi tuýp chứa:

Betamethason (dạng betamethason valerat): 0,1% w/w

Neomycin sulfat 0,5% w/w

Thành phần tá dược: Isopropyl myristat, glyceryl monostearat 40-55 (type I), sepineo P600, paraffin lỏng, span 80, cetomacrogol 1000, tween 80, propylen glycol, methylparaben, propylparaben, nước tinh khiết.

DẠNG BÀO CHẾ

Kem bôi da.

Mô tả dạng bào chế: Kem màu trắng, mềm mịn, đồng nhất.

CHỈ ĐỊNH

Lepasto được chỉ định để điều trị các bệnh sau khi nghi ngờ hoặc đã xác định hoặc có nguy cơ nhiễm khuẩn thứ phát:

- Eczema ở người lớn và trẻ em (từ 2 tuổi trở lên), bao gồm viêm da cơ địa và chàm dạng đĩa
- Bệnh sẩn cục (*Prurigo nodularis*)
- Bệnh vảy nến (không bao gồm bệnh vảy nến thể mảng đã lan rộng)
- Viêm da thần kinh bao gồm bệnh liken đơn mạn tính và bệnh liken phẳng
- Viêm da tiết bã nhờn
- Phản ứng quá mẫn
- Dị ứng do côn trùng cắn
- Viêm da tiếp xúc ở hậu môn và cơ quan sinh dục

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

Người lớn và thanh thiếu niên:

- Bôi một lượng thuốc vừa đủ lên vùng da bị ảnh hưởng 1-2 lần/ngày trong tối đa 7 ngày. Sau 7 ngày, nếu cần điều trị thêm cần chuyển sang chế phẩm corticosteroid khác không chứa neomycin sulfat.
- Trong các tổn thương dai dẳng hơn, như các mảng vảy nến dày ở khuỷu tay và đầu gối, tác dụng của thuốc có thể được tăng cường, nếu cần thiết, bằng cách băng kín vùng da đó sau khi bôi thuốc và để qua đêm, sau đó tháo băng ra và sử dụng thuốc như bình thường.

- Điều trị không nên kéo dài hơn 7 ngày mà không có sự chỉ định của bác sĩ. Nếu tình trạng xấu đi hoặc không cải thiện trong vòng 7 ngày, nên chẩn đoán lại bệnh.

Trẻ em từ 2 tuổi trở lên:

- Liều dùng như người lớn.
- Không dùng thuốc cho trẻ dưới 2 tuổi do trẻ nhỏ có khả năng tăng hấp thu thuốc.
- Trẻ em có nhiều khả năng gặp các tác dụng không mong muốn toàn thân và tại chỗ hơn khi dùng corticoid tại chỗ, do đó, thời gian điều trị không nên kéo dài quá 5 ngày.
- Cần thận trọng khi dùng thuốc đảm bảo lượng thuốc dùng là ít nhất để đạt được hiệu quả điều trị mong muốn.

Người cao tuổi:

- Các nghiên cứu lâm sàng chưa xác định được sự khác biệt trong đáp ứng giữa bệnh nhân cao tuổi và bệnh nhân trẻ tuổi. Ở người cao tuổi tần suất chức năng gan, thận bị suy giảm là cao hơn, điều này có thể làm trì hoãn việc thải trừ thuốc nếu xảy ra hấp thu toàn thân. Do đó, chỉ nên sử dụng một lượng thuốc tối thiểu trong thời gian ngắn nhất để đạt được hiệu quả điều trị mong muốn.

Suy thận: Nên giảm liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng thận.

Cách dùng: Dùng ngoài da.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Không sử dụng thuốc cho các trường hợp sau:

- Dị ứng với betamethason valerat, neomycin sulfat hay bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Chứng đỏ mặt (*Rosacea*).
- Mụn trứng cá.
- Viêm da quanh mắt.
- Ngứa không viêm.
- Ngứa xung quanh hậu môn và bộ phận sinh dục.
- Nhiễm trùng da nguyên phát.
- Các tổn thương da nguyên phát do nấm hoặc vi khuẩn gây ra.
- Nhiễm trùng da nguyên phát hoặc thứ phát do nấm men.
- Nhiễm trùng thứ phát do *Pseudomonas* hoặc *Proteus*.
- Bệnh ngoài da ở trẻ em dưới 2 tuổi, bao gồm viêm da, viêm da tã lót. Do có nguy cơ làm tăng khả năng hấp thu ở trẻ nhỏ nên thuốc này không được khuyến cáo sử dụng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (dưới 2 tuổi).
- Viêm tai ngoài khi màng nhĩ đã bị thủng, vì nguy cơ gây độc cho tai.

- Neomycin có khả năng gây độc cho tai và thận, do đó không nên sử dụng lượng lớn thuốc bôi Befucid hoặc bôi trên vùng da rộng hoặc sử dụng dài ngày có thể dẫn tới hấp thu toàn thân.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Sự ức chế trục hạ đồi-tuyến yên-tuyến thượng thận (HPA) có hồi phục: Các biểu hiện của chứng tăng tiết cortisol (hội chứng Cushing) và ức chế trục hạ đồi tuyến yên- tuyến thượng thận (HPA) có hồi phục có thể xảy ra ở một số cá thể do sự tăng hấp thu toàn thân của corticosteroid tại chỗ. Trong trường hợp này nên ngừng dần steroid tại chỗ dưới sự giám sát y tế vì có nguy cơ suy tuyến thượng thận.

Sự nhiễm trùng: Nếu tình trạng nhiễm trùng vẫn tiếp diễn, cần phải điều trị toàn thân. Nên ngừng sử dụng corticosteroid tại chỗ nếu như tình trạng nhiễm trùng lan rộng. Nhiễm trùng do vi khuẩn thường phát triển trong điều kiện ẩm áp, ẩm ướt do băng bột kín, do đó cần làm sạch da trước khi bôi.

Bôi lên mặt: Hạn chế sử dụng thuốc kéo dài trên mặt. So với các vùng khác trên cơ thể, da mặt dễ bị teo sau khi điều trị tại chỗ kéo dài bằng corticosteroid mạnh. Điều này phải được lưu ý khi điều trị các tình trạng như bệnh vẩy nến, lupus ban đỏ dạng đĩa và bệnh chàm nặng.

Bôi lên mí mắt: Nếu bôi lên mí mắt, cần cẩn thận để đảm bảo thuốc không vào mắt, vì có thể gây đục thủy tinh thể và bệnh tăng nhãn áp do tiếp xúc nhiều lần. Nếu bị dính kem vào mắt, cần phải rửa mắt nhiều lần với nước.

Rối loạn thị giác: Rối loạn thị giác có thể được báo cáo khi sử dụng corticosteroid toàn thân và tại chỗ. Nếu bệnh nhân có các triệu chứng như nhìn mờ hoặc các rối loạn thị giác khác, bệnh nhân nên được cân nhắc chuyển đến bác sĩ nhãn khoa để đánh giá các nguyên nhân có thể bao gồm đục thủy tinh thể, bệnh tăng nhãn áp hoặc các bệnh hiếm gặp như bệnh hắc võng mạc trung tâm thanh dịch (CSCR) đã được báo cáo sau khi sử dụng corticosteroid toàn thân và tại chỗ.

Loét chân mạn tính: Corticosteroid tại chỗ đôi khi được sử dụng để điều trị viêm da quanh vết loét chân mạn tính, tuy nhiên việc này có thể làm tăng nguy cơ xảy ra phản ứng quá mẫn tại chỗ và nhiễm trùng tại chỗ.

Trẻ em: So với người lớn, trẻ em có thể hấp thu lượng corticosteroid tại chỗ lớn hơn và do đó dễ bị tác dụng phụ toàn thân hơn. Nếu sử dụng cho trẻ em hoặc trên mặt, không nên sử dụng quá 5 ngày và không nên bột kín.

Sử dụng trong bệnh vẩy nến: Sử dụng corticosteroid tại chỗ có thể gây nguy hiểm cho bệnh vẩy nến vì một số lý do bao gồm tái phát, tăng khả năng dung nạp, nguy cơ mắc bệnh vẩy nến mủ toàn thân và phát triển độc tính tại chỗ hoặc toàn thân do chức năng hàng rào của da bị suy yếu. Nếu sử dụng trong bệnh vẩy nến, việc giám sát bệnh nhân cẩn thận là rất quan trọng.

Sử dụng steroid tại chỗ liên tục hoặc sử dụng không phù hợp kéo dài có thể dẫn đến tình trạng bùng phát trở lại sau khi ngừng điều trị (hội chứng cai steroid tại chỗ). Một dạng nghiêm trọng bùng phát trở lại có thể phát triển dưới dạng viêm da với tình trạng đỏ, châm chích và nóng rát dữ dội có thể lan ra ngoài vùng điều trị ban đầu. Tình trạng này có nhiều khả năng xảy ra khi điều trị các vùng da mỏng manh như mặt và các nếp gấp. Nếu tình trạng này tái phát trong vòng vài ngày đến vài tuần sau khi điều trị thành công, cần nghi ngờ phản ứng cai thuốc. Khi tái sử dụng thuốc cần thận trọng và nên tham khảo ý kiến của bác sĩ hoặc lựa chọn phương án điều trị khác.

Sử dụng kéo dài hoặc thường xuyên có thể làm tăng nguy cơ nhạy cảm khi tiếp xúc.

Nhiễm trùng có thể lan rộng do tác dụng che lấp của steroid.

Sau khi hấp thụ toàn thân đáng kể, aminoglycoside như neomycin có thể gây độc tính không hồi phục đối với tai; và neomycin cũng có khả năng gây độc cho thận.

Suy thận: Khi suy thận, độ thanh thải của neomycin trong huyết tương giảm.

Pha loãng: Các sản phẩm chứa các kháng sinh không nên pha loãng.

Nguy cơ cháy nổ khi tiếp xúc với quần áo, ga trải giường: Hướng dẫn bệnh nhân không hút thuốc hoặc đến gần ngọn lửa trần – nguy cơ bị bỏng nặng. Vải (quần áo, ga trải giường, băng gạc, v.v.) đã tiếp xúc với sản phẩm này dễ cháy hơn và là mối nguy hiểm hỏa hoạn nghiêm trọng. Giặt quần áo và ga trải giường có thể làm giảm sự tích tụ của sản phẩm nhưng không loại bỏ hoàn toàn.

Cảnh báo tá dược

Thuốc có chứa methylparaben và propylparaben nên có thể gây các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm), thành phần propylen glycol trong thuốc có thể gây kích ứng da.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ ĐANG CHO CON BÚ

Có rất ít thông tin về tác dụng không mong muốn của thuốc dùng tại chỗ có chứa neomycin trong thai kỳ và cho con bú. Tuy nhiên, về mặt lý thuyết, neomycin có trong máu mẹ có thể vượt qua nhau thai và có thể làm tăng nguy cơ gây độc của thuốc trên thai nhi, do đó việc sử dụng sản phẩm này không được khuyến cáo khi mang thai hoặc cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Thuốc không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỲ CỦA THUỐC

Thuốc gây ức chế CYP3A4 (ví dụ ritonavir, itraconazole) khi sử dụng cùng các corticosteroid có thể bị giảm tác dụng, và giảm sự chuyển hóa của các corticosteroid. Mức độ tương tác này phụ thuộc vào liều và đường dùng của corticosteroid và hiệu lực ức chế CYP3A4.

Khi hấp thu vào hệ tuần hoàn chung, neomycin sulfat có thể tăng cường và kéo dài tác dụng trên hô hấp của các thuốc chẹn thần kinh cơ.

Khả năng độc tính tích lũy cần được cân nhắc khi sử dụng neomycin sulfat dạng tại chỗ kết hợp với kháng sinh nhóm aminoglycosid dùng toàn thân.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC (ADR)

Phân loại tác dụng không mong muốn theo tần suất xuất hiện: Rất hay gặp, $ADR \geq 1/10$; hay gặp, $1/10 > ADR \geq 1/100$; ít gặp, $1/100 > ADR \geq 1/1000$; hiếm gặp, $1/1000 > ADR \geq 1/10\ 000$; rất hiếm gặp, $ADR < 1/10\ 000$, không rõ (không thể ước tính từ các dữ liệu có sẵn).

Nhiễm trùng

- Rất hiếm gặp: Nhiễm trùng cơ hội.

Rối loạn hệ thống miễn dịch

- Rất hiếm gặp: Mẫn cảm, phát ban toàn thân.

Rối loạn nội tiết

- Rất hiếm gặp: Ức chế trục hạ đồi - tuyến yên - thượng thận (HPA), hội chứng Cushing (ví dụ như mặt trăng, béo phì ở trung tâm), chậm tăng cân/phát triển ở trẻ em, loãng xương, tăng nhãn áp, tăng đường huyết, ức chế thủy tinh thể, tăng huyết áp, béo phì, giảm mức cortisol nội sinh, rụng tóc, rụng tóc từng mảng.

Rối loạn mô da và mô dưới da

- Hay gặp: Ngứa, nóng rát trên vùng da tổn thương.
- Rất hiếm gặp: Viêm da tiếp xúc, ban đỏ, phát ban, nổi mề đay, bệnh vẩy nến mụn mủ, móng da/teo da*, nhẵn da*, khô da*, rạn da*, thay đổi sắc tố da*, giãn mao mạch*, chứng rụng lông, làm trầm trọng hơn các triệu chứng ban đầu.
- Không rõ: Phản ứng cai thuốc- đỏ da có thể lan sang các vùng ngoài vùng bị ảnh hưởng ban đầu, cảm giác nóng rát ngứa, bong tróc, mụn mủ rỉ dịch.

Các rối loạn toàn thân tại vị trí dùng thuốc

- Rất hiếm gặp: Kích ứng tại vị trí dùng thuốc.

**Đặc điểm thứ phát ở da do tác động tại chỗ/ toàn thân của sự ức chế trục hạ đồi- tuyến yên- tuyến thượng thận (HPA).*

Rối loạn mắt

- Không rõ: Tầm nhìn mờ

Hướng dẫn xử trí ADR

Đa số các tác dụng không mong muốn thường có thể phục hồi hoặc giảm thiểu bằng cách giảm liều. Trong trường hợp xảy ra nhiễm trùng lan rộng cần ngừng dùng thuốc và sử dụng các thuốc kháng khuẩn toàn thân thích hợp.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Quá liều cấp tính rất khó xảy ra, tuy nhiên trong trường hợp dùng thuốc quá liều mạn tính hoặc lạm dụng thuốc, nên ngừng sử dụng thuốc dần dần dưới sự giám sát của nhân viên y tế. Nếu nghi ngờ có sự hấp thu đáng kể của neomycin vào hệ tuần hoàn chung, nên ngừng sử dụng thuốc và theo dõi tình trạng chung của bệnh nhân, chức năng thính giác, chức năng thận và chức năng thần kinh cơ. Nồng độ neomycin sulfat trong máu cũng cần được xác định, thăm phân máu có thể làm giảm nồng độ neomycin trong huyết thanh.

DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Corticosteroid hoạt tính mạnh kết hợp với kháng sinh.

Mã ATC: D07C C01

Betamethason

Betamethason là một corticosteroid hoạt tính mạnh, đáp ứng nhanh đối với phản ứng viêm do bệnh da liễu mà có đáp ứng với liệu pháp corticoid dùng tại chỗ và thường cũng có hiệu quả trên cả những bệnh ít đáp ứng thuốc như vẩy nến.

Betamethason dùng tại chỗ để ức chế các phản ứng dị ứng, hoạt động theo nhiều cơ chế chống viêm khác nhau như giảm mật độ tế bào mast, giảm sự di chuyển và hoạt động của bạch cầu ưa base, giảm

sự sản xuất cytokin của bạch cầu lympho, bạch cầu mono, tế bào mast, bạch cầu ưa base và ức chế quá trình tổng hợp acid arachidonic.

Neomycin

Neomycin là kháng sinh nhóm aminoglycosid có tác dụng diệt khuẩn qua ức chế quá trình sinh tổng hợp protein của vi khuẩn, bằng cách gắn với các tiểu đơn vị 30S của ribosom vi khuẩn nhạy cảm.

Những vi khuẩn nhạy cảm với neomycin như: *Staphylococcus aureus*, *Escherichia coli*, *Haemophilus influenzae*, *Klebsiella*, *Enterobacter* các loại, *Neisseria* các loại. Neomycin không có tác dụng với *Pseudomonas aeruginosa*, *Serratia marcescens*, *Streptococci* bao gồm cả *Streptococcus pneumoniae* hoặc *Streptococcus tan máu*.

Kháng thuốc: Vì thuốc được dùng tại chỗ khá phổ biến nên đã có thông báo kháng thuốc tương đối rộng, trong đó điển hình là các tụ cầu *Staphylococcus*, một số dòng *Salmonella*, *Shigella* và *Escherichia coli*. Sự kháng chéo với kanamycin, framycetin và paromomycin đã xảy ra.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Betamethason được hấp thu khi dùng tại chỗ. Mức độ hấp thu phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau, bao gồm tình trạng da, vị trí dùng thuốc và việc bề mặt da bị bao phủ kín. Da bị viêm nhiễm hay các tổn thương khác có thể tăng sự hấp thu. Việc bao phủ kín vùng da dùng thuốc làm tăng đáng kể lượng hấp thu qua da. Sau khi hấp thu qua da, dược động học của betamethason dùng tại chỗ tương tự các corticosteroid dùng toàn thân. Betamethason được chuyển hóa chủ yếu ở gan và một lượng nhỏ ở thận, các chất chuyển hóa không hoạt động và được bài tiết qua nước tiểu.

Neomycin hấp thu qua da khi da bị viêm nhiễm hoặc tổn thương (khi dùng đường uống neomycin ít được hấp thu), sau đó neomycin được phân bố vào các mô và tập trung ở cầu thận. Nó được thải trừ nhanh qua thận ở dưới dạng thuốc gốc. Thời gian bán thải khoảng 2-3 giờ.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

- Hộp 1 tuýp × 6 g, tuýp nhôm.
- Hộp 1 tuýp × 15 g, tuýp nhôm.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn dùng sau mở nắp: 3 tháng

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

TÊN ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex

Trụ sở: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Sản xuất tại: Nhà máy Dược phẩm số 2: Thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Ngày 13 tháng 03 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Nhật Thanh